

Bản án số 273/2025/DS-PT
Ngày 09 – 12 – 2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung

Ông Nguyễn Văn Thọ

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Lương Thị Chung – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09-12-2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2025/TLPT-DS ngày 07-10-2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 27-8-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 358/2025/QĐ-PT ngày 24-11-2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Dương Trung D, sinh năm 1973, địa chỉ: Tổ A thôn Q, xã T, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Dương Thị Thu N, sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ B thôn Q, xã T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Võ Duy H, sinh năm 1970, địa chỉ: Tổ B thôn Q, xã T, thành phố Đà Nẵng, theo hợp đồng ủy quyền ngày 18-12-2024 lập tại Văn phòng C, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Lê Thị B, sinh năm 1975, địa chỉ: Tổ A thôn Q, xã T, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

+ Ông Võ Duy H, sinh năm 1970, địa chỉ: Tổ B thôn Q, xã T, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Dương Thị Thu N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn - ông Dương Trung D trình bày tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:*

Năm 2012, gia đình ông bán bột thức ăn chăn nuôi cho bà Dương Thị Thu N. Từ năm 2015 đến năm 2020, bà N nhiều lần mua hàng. Tính từ đầu năm 2015 (âm lịch) đến ngày 18-11-2015 (âm lịch), chốt sổ bà N còn nợ 42.236.000 đồng. Ngày 22-11-2015 (âm lịch), chồng bà là ông Vũ Duy H1 trả 25.000.000 đồng, còn nợ 17.236.000 đồng và tiếp tục mua nợ. Đến ngày 01-02-2017 (âm lịch), chốt sổ nợ là 30.528.000 đồng. Sau đó, bà N trả 8.000.000 đồng, còn 22.528.000 đồng và mua thêm 01 bao phân ure giá 400.000 đồng, tổng nợ là 22.928.000 đồng. Bà N1 tiếp tục mua nợ đến ngày 14-6-2017, số nợ là 44.427.000 đồng. Ngày 02-7-2019 (âm lịch), bà N1 trả 10.000.000 đồng, ngày 04-8-2019 cân lúa trả 2.000.000 đồng, ngày 30-02-2020, bà trả 4.000.000 đồng, còn nợ số tiền 28.427.000 đồng thì bà N1 không tiếp tục mua và không trả tiền cho gia đình ông nữa. Vợ chồng ông có đến đòi nợ, bà N1 hứa hẹn nhưng không trả. Vào cuối năm 2022, ông và con trai tới nhà bà N1 đòi nợ, việc này ông đã ghi âm lại.

Nay ông yêu cầu vợ chồng bà N1 phải trả cho vợ chồng ông số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi là: 28.427.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn - bà Dương Thị Thu N và người đại diện theo uỷ quyền trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:*

Trước đây, bà đã mua thức ăn gia súc để nuôi heo. Sau khi sinh con năm 2015, bà đã trả nợ cho ông D và giờ chỉ còn nợ 1.200.000 đồng. Bà N1 không nhớ có ghi sổ hay không, cũng không nhớ việc trả các khoản 8.000.000 đồng và 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà nhớ đã trả 2.000.000 đồng khi bán lúa nhưng không rõ thời gian. Việc ông H1 trả nợ 25.000.000 đồng thì bà biết. Chồng bà biết việc bà mua thức ăn gia súc chỗ ông D nhưng không biết cũng không quan tâm các giao dịch mua bán giữa bà với ông D, vì việc chăn nuôi do bà đảm nhận, chồng bà làm nghề khác. Bà N1 khẳng định còn nợ vợ chồng ông D số tiền 1.200.000 đồng. Ông D khởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền 28.427.000 đồng thì bà không đồng ý.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lê Thị B trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:*

Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chồng là ông D, cho rằng chồng bà N1 biết việc mua bán giữa vợ chồng bà với bà N1 do ông H1 đã có trả 25.000.000 đồng. Bà B cho rằng bà N1 có ghi chép lại việc lấy hàng trong cuốn sổ mà bà đã cung cấp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Võ Duy H trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:*

Ông là chồng của bà N1. Ông H thừa nhận có trả số tiền 25.000.000 đồng cho ông D bà B về việc vợ của ông là bà N1 mua thức ăn chăn nuôi heo. Thời điểm trả nợ ông nhớ gần N2 và sau đó thì vợ ông sinh con và không mua bán

nữa. Năm đó ông không nhớ cụ thể nhưng vào giao thừa thì ông D có đến nhà ông để đòi nợ. Ông có hỏi số tiền còn thiếu là bao nhiêu thì ông D nói: “Hai mươi tám triệu mấy gần ba mươi triệu thì ông có ré lên” và ông D ghi âm đoạn này. Các chứng cứ ông D cung cấp không đúng về mặt thời gian nên ông không chấp nhận. Ông H cho rằng nếu còn nợ vì sao thời gian rất lâu ông D không đòi nợ mà đến nay mới kiện. Ông chỉ chấp nhận trả cho ông D bà B số tiền còn nợ 1.200.000 đồng.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 27-8-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:*

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357; Điều 430; Điều 433; Điều 440; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Trung D đối với bị đơn bà Dương Thị Thu N về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Buộc bị đơn bà Dương Thị Thu N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Duy H phải trả cho ông Dương Trung D và bà Lê Thị B số tiền 28.427.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền phải thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị Thu N và ông Võ Duy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.421.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

** Đơn kháng cáo:*

Ngày 10-9-2025, ông Võ Duy H là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Dương Thị Thu N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nói trên và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo do không có căn cứ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét các giấy viết tay do nguyên đơn ông Dương Trung D cung cấp với nội dung thể hiện trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, bà Dương Thị Thu N có mua cám, bột của ông D với số tiền chốt nợ cuối cùng là 28.427.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của bà N là ông Võ Duy H (chồng bà N) cũng thừa nhận bà N có mua cám, bột của ông D nhưng đã trả hết tiền, chỉ còn nợ 1.200.000 đồng. Như vậy, có căn cứ để xác định bà N có mua cám, bột của ông D và còn nợ tiền hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, ông Dương Trung D đã làm đơn yêu cầu giám định chữ viết của bà Dương Thị Thu N tại các giấy viết tay nói trên nhưng Phòng K Công an tỉnh Q từ chối giám định do không đủ điều kiện. Còn về phía bà N mặc dù cho rằng chữ viết thể hiện số nợ 28.427.000 đồng không phải của mình nhưng lại không có động thái gì để chứng minh. Ngoài ra, bà N cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để xác định số tiền nợ còn lại chỉ là 1.200.000 đồng nên không có cơ sở để được chấp nhận.

Toà án cấp sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Dương Thị Thu N, ông Võ Duy H phải trả cho ông Dương Trung D và bà Lê Thị B số tiền 28.427.000 đồng là phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Án phí dân sự phúc thẩm bà Dương Thị Thu N phải chịu do không được chấp nhận đơn kháng cáo.

[3] Đề nghị của Viện đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp các tình tiết khách quan của vụ án và quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 148, Điều 293, Khoản 1 Điều 308, các Điều 311, 312, 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357; Điều 430; Điều 433; Điều 440; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị Thu N ;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 27-8-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6, thành phố Đà Nẵng :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Trung D đối với bị đơn bà Dương Thị Thu N về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Buộc bị đơn bà Dương Thị Thu N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Duy H phải trả cho ông Dương Trung D và bà Lê Thị B số tiền 28.427.000 đồng (Hai mươi tám triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền phải thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị Thu N và ông Võ Duy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.421.000 đồng (một triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho ông D số tiền 711.000 đồng (bảy trăm mười một nghìn đồng), theo biên lai tạm ứng án phí số 0003453 ngày 23-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình (Nay là: Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6, thành phố Đà Nẵng).

II. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Dương Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002543 ngày 26-9-2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; đã nộp đủ.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- THADS Thành phố Đà Nẵng;
- TAND KV6-ĐN;
- Phòng THADS KV6-ĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai